

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 04 /GCN-SXD-KT&VLXD Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2025

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BXD ngày 27/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Xét hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty Cổ phần Xây dựng 48 do đại diện Công ty nộp hồ sơ qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính Thành phố (Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số H29.18-250122-0003 ngày 10/02/2025 và ngày 21/4/2025);

Xét văn bản ý kiến của chuyên gia sau khi xem xét hồ sơ khắc phục ngày 22/4/2025 và Biên bản đánh giá thực tế ngày 18/02/2025 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh;



CHỨNG NHẬN:**1. Công ty Cổ phần Xây dựng 48:**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300562666 đăng ký lần đầu ngày 14/7/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 11/10/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Địa chỉ: số 156 đường 11, Khu phố 5, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 0283 724 0483.

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Thí nghiệm Kiểm định Xây dựng.**

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: số 156 đường 11, Khu phố 5, phường Linh Xuân, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD: LAS-XD 58.041¹ (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP).

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

4. Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Xây dựng 48;
 - Bộ Xây dựng (để báo cáo);
 - Giám đốc Sở (để báo cáo);
 - Văn phòng Sở (đăng tải website);
 - Lưu VT, KT&VLXD/NTD, S.
- (BN: H29.18-250122-0003 ngày 10/02/2025 và ngày 21/4/2025)

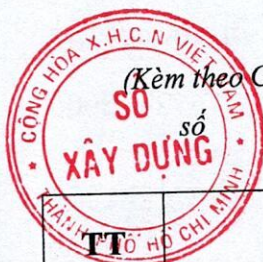


**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Trung Kiên

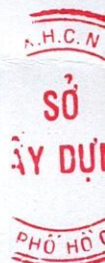
¹ Chuyển đổi từ LAS-XD 1483 theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 151/GCN-BXD ngày 08/3/2019 của Bộ Xây dựng.

**DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM
CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 58.041**



(Kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
số 04 /GCN-SXD-KT&VLXD ngày 25/4/2025 của Sở Xây dựng)

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
I	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG	
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023
2.	Xác định cường độ nén và cường độ uốn	TCVN 6016:2011
3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
II	THỬ NGHIỆM HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG	
4.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022
5.	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông sau khi đầm chặt	TCVN 3108:1993
6.	Xác định độ tách vữa và độ tách nước của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022
7.	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3110:1993
8.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022
9.	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113:2022
10.	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115:2022
11.	Xác định cường độ chịu nén của bê tông	TCVN 3118:2022
12.	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012
III	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG	
13.	Xác định độ lưu động của vữa tươi (phương pháp bàn dần)	TCVN 3121-3:2022
14.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022
15.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đóng rắn	TCVN 3121-10:2022
16.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:2022
17.	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2022
IV	THỬ NGHIỆM CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA	
18.	Xác định thành phần hạt	TCVN 7572-2:2006



TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
19.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006
20.	Xác định khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006
21.	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006
22.	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:2006
23.	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006
24.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006
25.	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006
26.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006
27.	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006
28.	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17:2006
29.	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20:2006
V	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG	
30.	Xác định khối lượng riêng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4195:2012
31.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012
32.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; TCVN 14134-4:2024
33.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014 TCVN 14134-3:2024
34.	Xác định sức chống cắt trong phòng thí nghiệm ở máy cắt phẳng	TCVN 4199:1995
35.	Xác định tính nén lún trong phòng thí nghiệm	TCVN 4200:2012
36.	Xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí nghiệm (đầm nén Proctor)	TCVN 12790:2020
37.	Xác định khối lượng thể tích trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012

TT	Tên phép thử	Cơ sở pháp lý tiến hành thử nghiệm (*)
38.	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	ASTM D2434-22 TCVN 8723:2012
VI	NGHIỆM VẬT LIỆU KIM LOẠI VÀ LIÊN KẾT HÀN	
39.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 7937:2013
40.	Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 198:2008; TCVN 6287:1997; TCVN 7937:2013
41.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - thử uốn	TCVN 5401:2010
42.	Vật liệu kim loại - Ống – thử nén bẹp	TCVN 1830:2008
VII	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG	
43.	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
44.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước dài 3.0 mét	TCVN 8864:2011
45.	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
46.	Xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	TCVN 8730:2012

Ghi chú (*): Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

